

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 04-05-2018

“V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **DƯƠNG VĂN VŨ**

Các Hội thẩm nhân dân:

01/ Bà **HOÀNG THỊ XOAN**

02/ Ông **MAI LINH SƠN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NGÀ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:
Bà **PHAN THỊ LÀNH**-Kiểm sát viên.

Ngày 04/05/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST – DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự Vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST – DS ngày 02 tháng 04 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST – DS ngày 17/04/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đào Anh C**, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn nh – KĐ – Đơn Dương – Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Xuân S**, sinh năm 1980; Trú tại: Phường An Bình – Thị xã Dĩ An – Bình Dương, theo Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Võ Anh H**, sinh năm 1964;

Bà **Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn Lạc Lâm Làng – Lạc Lâm – Đơn Dương – Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị Minh N**, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn nh – KĐ – Đơn Dương – Lâm Đồng.

(Ông S có mặt tại phiên tòa, ông H, bà Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2017, bản tự khai ngày 15/12/2017 và theo lời khai tại phiên tòa – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân S trình bày: Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2017 vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th có vay của ông Đào Anh C số tiền tổng cộng 1.540.000.000đ, cụ thể: Vào ngày ngày 18/11/2016 vay số tiền 200.000.000đ, ngày 19/12/2016 vay số tiền 100.000.000đ, ngày 19/02/2017 vay số tiền 150.000.000đ, ngày 25/02/2017 vay số tiền 700.000.000đ, ngày 18/06/2017 vay số tiền 300.000.000đ, và 01 lần bà Th vay số tiền 90.000.000đ bằng hình thức nhắn tin trên điện thoại vào ngày 28/04/2017, tại thời điểm vay tiền thì bị đơn có nói mục đích vay tiền nhằm đầu tư kinh doanh mặt hàng gạo, xăng dầu và cho con ăn học. Tại thời điểm vay tiền thì giữa các bên đều xác lập giấy viết tay với nội dung Giấy mượn tiền, mặc dù trong các giấy viết tay có thể hiện “vợ chồng ông H bà Th có vay của bà Nguyễn Thị Minh N số tiền.....” nhưng trên thực tế đó tiền của vợ chồng ông C bà N, ông C đứng ra khởi kiện, việc vay tiền và nhận tiền do ông H bà Th cùng thực hiện và cùng nhận tiền nhưng chỉ có một mình bà Th đứng ra đại diện ký tên trong các giấy mượn tiền. Mặc dù, trong giấy vay tiền không thể hiện ngày trả nợ, nhưng các bên thống nhất khi nguyên đơn cần tiền thì bị đơn sẽ trả. Tuy nhiên, cho đến nay ông H bà Th vẫn chưa trả cho ông C số tiền nêu trên mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th trả số tiền 1.540.000.000đ, không tính lãi suất. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Theo Bản tự khai ngày 05/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 17/04/2018– bị đơn vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2017 bà Nguyễn Thị Thanh Th có vay của ông Đào Anh C số tiền tổng cộng 1.540.000.000đ, cụ thể: Vào ngày ngày 18/11/2016 vay số tiền 200.000.000đ, ngày 19/12/2016 vay số tiền 100.000.000đ, ngày 19/02/2017 vay số tiền 150.000.000đ, ngày 25/02/2017 vay số tiền 700.000.000đ, ngày 18/06/2017 ông H bà Th vay của ông C số tiền 300.000.000đ, và 01 lần vay số tiền 90.000.000đ bằng hình thức nhắn tin trên điện thoại, mặc dù trong giấy viết tay thể hiện vợ chồng ông H bà Th có vay của bà N số tiền Nhưng thực tế chỉ có 01 mình bà Th vay tiền chứ ông H không thừa nhận số tiền vay và cũng không biết việc bà Th vay tiền, trong các giấy viết tay chỉ có 01 mình bà Th ký tên. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Th chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông C, bà N 800.000.000đồng chứ không đồng ý trả số tiền 1.540.000.000đ, còn ông H không đồng ý vì đó là khoản nợ riêng của bà Th, ông H không hề biết đến và không ký tên trong giấy mượn tiền. Ngoài ra ông H bà Th không còn ý kiến nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2017 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N trình bày: Vào ngày ngày 18/11/2016 vay số tiền 200.000.000đ, ngày 19/12/2016 vay số tiền 100.000.000đ, ngày 19/02/2017 vay số tiền 150.000.000đ, ngày 25/02/2017 vay số tiền 700.000.000đ, ngày

18/06/2017 ông H bà Th vay của ông C số tiền 300.000.000đ, và 01 lần bà Th vay số tiền 90.000.000đ của ông C bằng hình thức nhắn tin trên điện thoại vào ngày 28/04/2017. Tổng cộng số tiền vay là 1.540.000.000đ, tại thời điểm vay tiền thì giữa các bên đều xác lập giấy viết tay với nội dung Giấy mượn tiền, mặc dù trong các giấy viết tay có thể hiện “vợ chồng ông H bà Th có vay của bà Nguyễn Thị Minh N số tiền.....” nhưng trên thực tế số tiền ông H bà Th vay là của vợ chồng ông C bà N, nhưng bà N và ông C thống nhất để cho 01 mình ông C đứng ra khởi kiện, bà N chỉ tham gia với tư cách Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, việc vay tiền và nhận tiền do ông H bà Th cùng thực hiện và cùng nhận tiền nhưng chỉ có một mình bà Th đứng ra đại diện ký tên trong các giấy mượn tiền. Cho đến nay ông H bà Th vẫn chưa trả cho ông C bà N số tiền nêu trên. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N thống nhất và không có ý kiến bổ sung gì thêm. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Minh N không còn ý kiến nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông H bà Th đều vắng mặt, đồng thời vào ngày 07/03/2018 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền 1.540.000.000đ, không tính lãi suất.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh C, buộc vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th có trách nhiệm trả cho ông C, bà N số tiền 1.540.000.000đ, không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về áp dụng pháp luật tố tụng:** Đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Đào Anh C và bị đơn vợ chồng Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay việc bị đơn vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Vì vậy, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn

tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông Võ Anh H, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Minh N là đủ.

[2] **Về áp dụng pháp luật nội dung:** Vào các ngày 18/11/2016, 19/12/2016, 19/02/2017, 25/02/2017, 18/06/2017 và 01 lần bà Th vay số tiền 90.000.000đ của ông C bằng hình thức nhấn tin trên điện thoại vào ngày 28/04/2017. Tổng cộng 1.540.000.000đ, đến ngày 15/10/2017 ông C mới nộp đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005, Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh C yêu cầu vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông C số tiền 1.540.000.000đ tiền gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào các ngày 18/11/2016, 19/12/2016, 19/02/2017, 25/02/2017, 18/06/ 2017 và 01 lần bà Th vay số tiền 90.000.000đ của ông C bằng hình thức nhấn tin trên điện thoại vào ngày 28/04/2017, tổng cộng 1.540.000.000đ. Tại thời điểm vay tiền giữa các bên có xác lập giấy viết tay và có chữ ký xác nhận số tiền vay của bà Th. Như vậy việc vay tiền trên thực tế có xảy ra và được ông C, bà Th thừa nhận. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận thì không phải chứng minh”*. Mặc dù trong các giấy mượn tiền thể hiện vợ chồng ông H bà Th vay tiền của bà N nhưng các bên đều thừa nhận số tiền là của ông C bà N, ông C bà N đều thống nhất việc ông C đứng ra khởi kiện còn bà N không có ý kiến thắc mắc gì đối với việc ông C khởi kiện, nên việc ông C khởi kiện còn bà N tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo phía nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Xét lời trình bày của bị đơn vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th thì thấy rằng: quá trình làm việc tại Tòa án bà Th đều thừa nhận có vay số tiền 1.540.000.000đ của ông C bà N, trong giấy viết tay với nội dung giấy mượn tiền thì thể hiện ông H bà Th có vay của bà N nhưng thực tế chỉ có một mình bà Th đứng ra ký và ghi tên trong giấy vay chứ không liên quan gì đến ông H, bà Th vay cho cá nhân bà Th còn ông H không biết việc này, Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào các giấy mượn tiền vào các ngày 18/06/2017, 18/11/2016, 19/12/2016, 19/02/2017, 25/02/2017 (bút lục số 11 - 14) thì nội dung giấy mượn tiền được thể hiện như sau *“tôi tên là Nguyễn Thị Thanh Th... và chồng là Võ Anh H ...vợ chồng tôi có mượn của bà Nguyễn Thị Minh N; Hiện ở tại: Xã KĐ – Đơn Dương số tiền là.... , vợ chồng tôi sẽ trả tiền trên. Nếu không trả. Vợ chồng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”*. Nội dung các giấy mượn tiền trên là do các bên đánh máy còn số tiền vay và ngày vay do các bên tự viết tay điền vào, mặc dù trong giấy chỉ có một mình bà Th ký vào phần người mượn nhưng nội dung các giấy đã thể hiện rõ là vợ chồng ông H bà Th cùng vay. Trong trường hợp chỉ một mình bà Th vay tiền thì các bên có quyền thỏa thuận, yêu cầu viết lại giấy vay khác ghi tên bà Th và bà Th có quyền đọc lại trước khi ký. Tuy nhiên, các bên đương sự không thực hiện

nhưng đã vay tới 06 lần mà không có tranh chấp hay bất kỳ ý kiến nào khác. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/04/2018 ông H cũng thừa nhận hiện nay ông H đang quản lý kinh doanh cửa hàng xăng dầu tại tỉnh Ninh Thuận, còn bà Th đang quản lý kinh doanh đại lý gạo tại Đơn Dương, mặc dù mỗi người quản lý một nơi nhưng việc làm ăn đều nhằm mục đích chung của gia đình, chỉ là mỗi người phụ trách một công việc. Việc bà Th khai tại Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 15/01/2018 bà Th vay tiền nhằm mục đích đầu tư mua bán Đại lý gạo tại Lạc Lâm – Đơn Dương, ông H không biết, nhưng giấy phép kinh doanh thể hiện việc kinh doanh là của hộ gia đình, bà Th đứng ra đại diện cho hộ gia đình kinh doanh chứ không phải cá nhân bà Th, phù hợp với lời trình bày của ông H về việc mỗi người phụ trách một công việc nhưng tất cả đều lo cho gia đình. Bên cạnh đó, căn cứ vào thông tin của doanh nghiệp kinh doanh Công ty TNHH Hiệp Thành Phát Ninh Thuận – Trạm xăng dầu Hiệp Thành Phát 3 tại tỉnh Ninh Thuận thì thấy rằng người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Võ Anh H – Chức vụ giám đốc còn bà Th giữ chức vụ phó giám đốc và cũng góp vốn cổ phần trong công ty, như vậy có thể thấy việc bà Th, ông H vay tiền nhằm mục đích huy động vốn làm ăn kinh doanh trong mặt hàng gạo và xăng dầu là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ việc kinh doanh nhằm mục đích góp phần vào phát triển kinh tế chung của gia đình, trong khi số tiền bà Th vay là tương đối lớn, bà Th cũng đứng tên đại diện pháp luật trong công ty góp vốn thì bản thân ông H cùng tham gia kinh doanh phải biết được nguồn vốn và cùng bà Th đứng ra vay tiền của ông C bà N để đầu tư kinh doanh gạo là hoàn toàn phù hợp. Như vậy, việc vay số tiền 1.540.000.000đ do ông H bà Th cùng đứng ra vay của ông C bà N là trên thực tế có xảy ra. Đồng thời, ông H và bà Th đang là vợ chồng với nhau. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng thì:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”

Trong quá trình làm việc, lấy lời khai đối chất (bút lục 32 – 33) bà Th thừa nhận có vay tổng số tiền 1.540.000.000đ và đã trả cho ông C số tiền 700.000.000đ nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả số tiền nêu trên, đồng thời phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với bà N vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2017 (bút lục 29A) bà N cũng thừa nhận vào các ngày 18/11/2016, 19/12/2016, 19/02/2017, 25/02/2017, 18/06/ 2017 và 01 lần bà Th vay số tiền 90.000.000đ của ông C bằng hình thức nhắn tin trên điện thoại vào ngày 28/04/2017, tổng cộng 1.540.000.000đ, vợ chồng ông H bà Th có vay của ông C bà N số tiền

tổng cộng 1.540.000.000đ cho đến nay vẫn chưa trả, số tiền cho vay là của ông C bà N, và khi vay tiền cũng như nhận tiền là vợ chồng ông H bà Th cùng đứng ra vay và cùng nhận tiền, do giữa các bên có mối quan hệ họ hàng với nhau nên chỉ một mình bà N và bà Th ký vào giấy mượn tiền. Bà N thống nhất với lời trình bày của ông C.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn là ông Đào Anh C yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th trả số tiền 1.540.000.000đ tiền gốc không tính lãi suất cho vợ chồng ông C, bà N là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc vợ chồng ông H và bà Th có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông C, bà N số tiền 1.540.000.000đ là đúng theo quy định, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên ông C, bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36 và Khoản 1 Điều 39, 174, 175, 177, 179, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 357; Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Anh C. Buộc vợ chồng ông Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả cho ông Đào Anh C và bà Bà Nguyễn Thị Minh N số tiền 1.540.000.000đ (*Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc vợ chồng Võ Anh H và bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 58.200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đào Anh C và bà Nguyễn Thị Minh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C số tiền 29.100.000đ đã tạm nộp Biên lai thu tiền số 0004720 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản

án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014”.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS
- THA;
- Các ĐS;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS;
- THA;
- Các ĐS;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS;
- THA;
- Các ĐS;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS;*
- *THA;*
- *Các ĐS;*
- *Lưu HS, AV.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG VĂN VŨ

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

DƯƠNG VĂN VŨ